

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững rừng
đặc dụng Xuân Nha giai đoạn 2021-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 182/TTr-SNN ngày 17/5/2021; Báo cáo thẩm định số 272/BC-SNN ngày 17/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng Xuân Nha giai đoạn 2021-2030 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu Phương án

1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng Xuân Nha thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, các nguồn gen động, thực vật rừng đặc hữu, quý, hiếm của Khu rừng đặc dụng Xuân Nha; đồng thời góp phần phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, giá trị của Khu rừng đặc dụng Xuân Nha phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng Xuân Nha nhằm xác định tổng diện tích có rừng cần được bảo vệ, nâng cao độ che phủ của

rừng, chất lượng rừng và phục hồi những diện tích rừng, hệ sinh thái rừng đang bị suy thoái, góp phần quan trọng trong việc cải thiện môi trường sinh thái và điều tiết nguồn nước. Đồng thời lập kế hoạch bảo tồn, phục hồi và phát triển các loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu của hệ sinh thái rừng kín thường xanh vùng núi cao Tây Bắc thuộc khu vực rừng đặc dụng Xuân Nha;

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững nhằm nâng cao giá trị kinh tế, thu nhập cho Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha và người dân trong khu vực thông qua các hoạt động như chi trả dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, thuê môi trường rừng, nghiên cứu khoa học, lâm sản ngoài gỗ và các bon rừng. Nâng cao chất lượng, giá trị kinh tế và đồng thời sử dụng có hiệu quả tài nguyên rừng bền vững của Khu rừng đặc dụng Xuân Nha;

- Thực hiện công tác xã hội hóa trong công tác bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển rừng. Góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập; ổn định sinh kế người dân sống trong vùng đệm, khu rừng phòng hộ và nâng cao nhận thức về quản lý rừng bền vững Khu rừng đặc dụng Xuân Nha.

2. Nội dung Phương án

2.1. Kế hoạch sử dụng đất

2.1.1. Đối với đất rừng đặc dụng: Tổng diện tích đất rừng đặc dụng là 18.173,01 ha, trong đó:

a) Phân chia theo đơn vị hành chính:

- Xã Tân Xuân: Diện tích 10.576,31 ha, thuộc tiểu khu: 1007, 1010, 1012, 1017; 1007A, 1011A, 1011B, 1015A, 1015B, 1016A, 1016B, 1017A, 1017B, 1017C;

- Xã Xuân Nha: Diện tích 1.379,68 ha, thuộc tiểu khu 1003.

- Xã Chiềng Xuân: Diện tích 3.459,19 ha, thuộc tiểu khu: 1005, 1001B, 1003A, 1003B;

- Xã Chiềng Sơn: Diện tích 2.739,83 ha, thuộc tiểu khu: 1006.

b) Phân chia theo phân khu chức năng:

- Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: 10.185,35 ha, gồm các tiểu khu 1003B, 1005, 1007, 1007A, 1010, 1011A, 1011B, 1016A, 1016B, 1017, 1017A, 1017B, 1017C.

- Phân khu phục hồi sinh thái: 7.981,16 ha, gồm các tiểu khu 1001A, 1001B, 1003, 1003A, 1005, 1006, 1007, 1008, 1010, 1012, 1015A, 1015B.

- Phân khu dịch vụ hành chính: 6,5 ha, thuộc tiểu khu 1001B.

2.2. Kế hoạch quản lý bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học

a) Kế hoạch bảo vệ rừng:

Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất rừng được giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha 18.173,01 ha; trong đó diện tích có rừng (bao gồm cả rừng trồng chưa thành rừng) 15.262,69 ha và diện tích đất chưa có rừng 2.910,32ha.

b) Kế hoạch bảo tồn đa dạng sinh học:

- Đối tượng rừng bảo tồn đa dạng sinh học và rừng có giá trị bảo tồn cao Diện tích rừng tự nhiên là rừng giàu (TXG); rừng trung bình (LRTX TB); rừng nghèo (TXN); rừng nghèo kiệt (TXK); rừng phục hồi (TXP). Diện tích rừng thuộc các phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và phân khu phục hồi sinh thái.

- Quy mô, diện tích, vị trí, địa điểm: Các tiểu khu thuộc Khu rừng đặc dụng Xuân Nha có giá trị đa dạng sinh học và giá trị bảo tồn gồm: Khoảnh 3, 4 tiểu khu 1005 và khoảnh 1, 2, 3, 4 tiểu khu 1003B, Bản Khò Hồng, Xã Chiềng Xuân.

2.3. Kế hoạch khôi phục và phát triển rừng đặc dụng, phòng hộ

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và làm giàu rừng:

- Diện tích khoanh nuôi tái sinh 100 ha.
- Diện tích làm giàu rừng có trồng bổ sung 400ha.

b) Trồng rừng mới và trồng cây lâm sản ngoài gỗ:

- Diện tích trồng mới 50ha.
- Diện tích trồng cây lâm sản ngoài gỗ 50ha.

c) Xây dựng các mô hình phát triển vùng đệm:

- Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, hỗ trợ giống cây, giống con; hỗ trợ thiết bị chế biến nông, lâm sản quy mô nhỏ;

- Hỗ trợ vật liệu xây dựng cho các công trình công cộng của cộng đồng thôn, bản như công trình nước sạch, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, đường giao thông thôn bản, nhà văn hóa và các công trình khác;

- Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/thôn, bản/năm theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giao đoạn 2011-2020.

2.4. Nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực

a) Danh mục, kế hoạch triển khai các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học:

- Tổ chức theo dõi diễn biến rừng nhằm theo dõi diễn biến diện tích rừng theo trạng thái, chủ quản lý, mục đích sử dụng và nguyên nhân biến động tăng, giảm diện tích rừng;

- Xây dựng kế hoạch Kiểm kê rừng định kỳ theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017 nhằm kiểm kê về trạng thái (*diện tích, trữ lượng*), kiểm kê theo chủ quản lý, kiểm kê theo mục đích sử dụng;

- Tổ chức điều tra chuyên đề, bao gồm: điều tra diện tích rừng; điều tra trữ lượng; điều tra cấu trúc; điều tra tăng trưởng; điều tra tái sinh rừng; điều tra lâm sản ngoài gỗ; điều tra lập địa; điều tra đa dạng hệ sinh thái rừng; điều tra hệ thực vật rừng; điều tra hệ động vật rừng có xương sống; điều tra côn trùng và sâu bệnh hại rừng;

- Nghiên cứu hệ thực vật rừng đối với các nội dung về đặc điểm sinh thái, sự phân bố, cấu trúc và quá trình sinh trưởng phát triển của các hệ sinh thái rừng; đặc tính sinh vật học, sinh thái học của các loài thực vật quý hiếm, có giá trị và khả năng gieo trồng, nhân giống.

- Nghiên cứu bảo tồn và phát triển bền vững các loài dược liệu, cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế để nhân rộng mô hình, chuyển giao cho các bản vùng đệm thuộc Khu rừng đặc dụng Xuân Nha;

- Điều tra nghiên cứu hiện trạng và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phục hồi các loài động, thực vật rừng quý hiếm Khu rừng đặc dụng Xuân Nha.

b) Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Đào tạo, bồi dưỡng về trình độ, năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho công chức, viên chức khu rừng đặc dụng;

- Bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực và các kỹ năng về bảo tồn hệ sinh thái, đa dạng sinh học, phát triển cộng đồng.

2.5. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

a) Xây dựng các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng và PCCCR: Quy mô 35km.

b) Duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng: 3 trạm.

c) Xây dựng mới trạm bảo vệ rừng: 1 trạm.

d) Xây dựng vườn lưu giữ nguồn gen động thực vật rừng quý hiếm, trung tâm cứu hộ động vật, thực vật: Quy mô 10ha.

e) Xây dựng nhà thư viện, bảo tàng, phòng tiêu bản, trưng bày, lưu giữ mẫu vật các loài động thực vật rừng; giới thiệu các hình ảnh, hoạt động quản lý, bảo vệ rừng: 01 nhà.

e) Xây dựng bộ tiêu bản động vật, thực vật rừng: 800 bộ.

f) Xây dựng công trình phòng cháy và chữa cháy rừng:

- Xây dựng, duy tu, sửa chữa đường băng cản lửa (bao gồm đường băng trắng, đường băng xanh). Quy mô xây dựng 32,5 km.

- Xây dựng hệ thống quan trắc cảnh báo sớm theo dõi phục vụ công tác dự báo phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng: 02 trạm.

- Xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng số lượng 200 bảng.

- Đầu tư trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác chữa cháy rừng như: Máy thổi gió, ống nhôm, cưa máy, bình bọt, áo chống nóng...

2.6. Phương án hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

a) Chi trả dịch vụ môi trường rừng thực hiện tại khu rừng đặc dụng Xuân Nha dự kiến thực hiện theo quy định tại Điều 61, Luật Lâm nghiệp năm 2017.

b) Hoạt động du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng thực hiện theo quy định tại Điều 53, Luật Lâm nghiệp năm 2017 và quy định tại khoản 6, Điều 14, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

2.7. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

a) Chương trình theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học: Định kỳ hàng năm Ban quản lý Khu rừng đặc dụng Xuân Nha thực hiện nhiệm vụ theo dõi diễn biến rừng tại Khu rừng đặc dụng Xuân Nha theo quy định tại Chương V, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: Theo dõi diễn biến diện tích theo trạng thái rừng; theo dõi diễn biến diện tích theo chủ rừng; theo dõi diễn biến diện tích theo mục đích sử dụng rừng; theo dõi diễn biến diện tích rừng theo các nguyên nhân.

b) Điều tra, kiểm kê rừng:

- Tổ chức thực hiện một số điều tra rừng chuyên đề để tăng cường công tác quản lý tài nguyên rừng theo quy định tại Chương III, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: Điều tra diện tích rừng; điều tra trữ lượng rừng; điều tra tái sinh rừng; điều tra lâm sản ngoài gỗ; điều tra đa dạng hệ sinh thái rừng, điều tra hệ thực vật rừng; điều tra hệ động vật rừng,...

- Xây dựng kế hoạch kiểm kê rừng vào năm 2026 (*thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Lâm nghiệp với chu kỳ 10 năm*). Nhiệm vụ kiểm kê rừng thực hiện theo Điều 25, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm: kiểm kê theo trạng thái; kiểm kê theo chủ quản lý; kiểm kê theo mục đích sử dụng và lập hồ sơ quản lý rừng.

3. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

3.1. Tổng hợp nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn thực hiện Phương án Quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng Xuân Nha giai đoạn 2021-2030: 154.136,6 triệu đồng, cụ thể:

- a) Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng: 47.870,8 triệu đồng.
 - Khoán cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân: 36.000 triệu đồng.
 - Tự quản lý, bảo vệ: 11.870,8 triệu đồng.
- b) Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học:
 - Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học: 16.300 triệu đồng;
 - Kế hoạch phát triển rừng: 9.700 triệu đồng;
 - Kế hoạch nghiên cứu khoa học, giảng dạy, đào tạo nguồn nhân lực: 5.490 triệu đồng;
 - Kế hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: 15.000 triệu đồng;
 - Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, PCCCR: 15.475,8 triệu đồng;
 - Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng: 8.800 triệu đồng;
 - Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng và thuê môi trường rừng: 30.000 triệu đồng;
 - Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng: 1.000 triệu đồng;
 - Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra, kiểm kê rừng: 4.500 triệu đồng.

3.2. Nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước: Tổng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cả giai đoạn 2021-2030: 54.465,8 triệu đồng chiếm 35,34% tổng nguồn vốn. Nguồn vốn này được ưu tiên cho các hạng mục như đầu tư cơ sở vật chất hạ tầng, trang thiết bị, phát triển rừng
- Vốn từ dịch vụ môi trường: 47.870,8 triệu đồng, chiếm 31,06% tổng vốn đầu tư của dự án: Ưu tiên cho các hoạt động giao khoán bảo vệ rừng; các hoạt động chi trả DVMTR và cho thuê môi trường rừng.
- Vốn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế: Nguồn vốn có 4.300 triệu đồng chiếm 2,79% tổng nguồn vốn. Sử dụng ưu tiên cho các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học; một số đề tài nghiên cứu khoa học và các hoạt động dịch vụ cộng đồng.
- Vốn liên doanh liên kết và huy động của các nhà đầu tư là 47.500 triệu đồng chiếm 30,82% tổng nguồn vốn đầu tư của Dự án.

4. Giải pháp tổ chức thực hiện Phương án

4.1. Giải pháp về công tác quản lý bảo vệ rừng, nguồn nhân lực

- Tổ chức công bố, công khai ranh giới khu rừng đặc dụng; quy hoạch 3 loại rừng và phương án quản lý rừng bền vững được cấp có thẩm quyền phê duyệt

làm cơ sở cho việc quản lý bảo vệ, bảo tồn và khôi phục và phát triển bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học khu rừng đặc dụng, phòng hộ giai đoạn 2021-2030.

- Ban quản lý khu rừng đặc dụng phối hợp với các phòng, ban chức năng hai huyện Mộc Châu, Vân Hồ và UBND các xã tăng cường công tác quản lý mốc ranh giới khu rừng đặc dụng, quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp được nhà nước giao. Rà soát và thực hiện nghiêm công tác quản lý mốc ranh giới khu rừng đặc dụng theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định phân mốc ranh giới rừng.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống biển báo, biển cảnh báo khu vực rừng đặc dụng, phòng hộ; hệ thống bảng quy ước quản lý bảo vệ rừng tại các phân khu thuộc các khu rừng và vùng đệm. Chỉ đạo xử lý nghiêm các vụ vi phạm xâm hại vào khu rừng đặc dụng, các hành vi khác thác lâm sản sẵn sẵn bắn động vật rừng trái pháp luật, vi phạm các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng, phát rừng làm nương...

- Định kỳ thực hiện việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ, làm căn cứ bồi dưỡng, đào tạo để xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ và năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo tồn và phát triển bền vững khu rừng đặc dụng và từ đó có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể nhằm nâng cao năng lực của cán bộ.

- Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ về lâm sinh, kiểm lâm, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về công tác quản lý bảo tồn và phát triển rừng: nghiên cứu về động vật, thực vật; công tác điều tra, theo dõi biến đổi rừng; giám sát đánh giá về đa dạng sinh học cho cán bộ viên chức và các tổ đội của các xã bản tại rừng đặc dụng Xuân Nha. Phối hợp với UBND xã mở các lớp tập huấn, đào tạo cho cán bộ xã, bản về phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn kết với công tác bảo tồn, quản lý bảo vệ rừng.

4.2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan

- Rà soát hoàn thiện các quy chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng: Kiểm lâm - Công an - Quân đội trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng; quy chế phối hợp giữa Ban quản lý khu rừng đặc dụng với UBND các xã, với các phòng ban chức năng của các huyện giáp ranh giới giữa các địa phương trong việc quản lý ranh giới khu rừng đặc dụng về quản lý rừng và đất lâm nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Lâm nghiệp năm 2017.

- Tăng cường phối hợp với Hạt Kiểm lâm các huyện, tỉnh giáp danh thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và kịp thời xử lý những hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để người dân, cộng đồng, tổ chức nâng cao nhận thức và tầm quan trọng của rừng.

- Thường xuyên phối hợp, hợp tác, trao đổi thông tin với các cơ quan, đơn vị chuyên ngành như các Viện nghiên cứu, Trường Đại học,... nhằm thu hút các

chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học trong việc bảo tồn các nguồn gen quý, hiếm, đặc hữu và nâng cao giá trị của rừng đặc dụng.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội (*Hội nông dân, phụ nữ, cựu chiến binh, Đoàn thanh niên...*) tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới người dân; hỗ trợ người dân nâng cao sinh kế, ổn định đời sống để giảm áp lực vào rừng.

4.3. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Bố trí nâng cấp, đầu tư trang thiết bị và xây dựng mới các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn các loài động, thực vật đặc hữu, quý hiếm.

- Nghiên cứu học tập các ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để nhân giống, lưu trữ, bảo tồn nguồn gen và phát triển các loài dược liệu quý hiếm.

- Ứng dụng ảnh viễn thám - GIS, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng, thay đổi đất đai. Lập ô định vị theo dõi thay đổi tổ thành loài, đa dạng sinh học, tăng trưởng rừng, tái sinh rừng.

4.4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư

- Nguồn vốn duy trì hoạt động bộ máy, đầu tư trang thiết bị và đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật chủ yếu được bảo đảm từ ngân sách nhà nước.

- Thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng,... để nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân trong khu vực. Huy động vốn từ nguồn vốn xã hội hóa, để bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có của đơn vị.

- Xây dựng các đề án, dự án để thu hút nguồn đầu tư, tài trợ của các tổ chức nước ngoài cũng như trong nước phục vụ nghiên cứu khoa học, tăng cường tiềm lực, mở rộng giao lưu,...

- Hướng dẫn, định hướng sử dụng nguồn kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng một cách hợp lý và phù hợp với tình hình thực tiễn tại khu vực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Phương án

1. Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha tổ chức triển khai thực hiện phương án quản lý rừng bền vững đã được UBND tỉnh phê duyệt. Xây dựng các dự án đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững khu rừng đặc dụng; lập kế hoạch trung hạn 5 năm, hàng năm theo Phương án quản lý rừng bền vững làm cơ sở triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện chức năng quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động theo kế hoạch của Ban quản lý khu rừng đặc dụng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm thường xuyên theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Chủ rừng thực hiện hiệu quả

Phương án quản lý rừng bền vững; Phối hợp với các Sở, ngành, địa phương liên quan đề xuất tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp phù hợp để chỉ đạo thực hiện các hoạt động nhằm sử dụng hiệu quả diện tích đất rừng trong phạm vi ranh giới của Chủ rừng; định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT tỉnh hình thực hiện Phương án của Chủ rừng trên địa bàn theo đúng quy định.

3. UBND huyện Vân Hồ, Mộc Châu: Chỉ đạo UBND các xã có rừng trong phạm vi của Phương án tăng cường phối hợp với chủ rừng (Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha) tuyên truyền, vận động người dân quản lý, bảo vệ rừng, không xâm hại rừng, theo dõi việc thực hiện các hoạt động của Chủ rừng trên địa bàn theo nội dung và kế hoạch đã được phê duyệt.

4. Các Sở, ngành liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Phương án này. Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền cân đối bố trí các nguồn vốn để triển khai thực hiện Phương án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Vân Hồ và Mộc Châu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Ban quản lý rừng đặc dụng Xuân Nha; Thủ trưởng các ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 15b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Công